TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2023/LĐ-PT Ngày: 12/12/2023 V/v " Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Ngô Văn Minh và ông Nguyễn Minh Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Tứ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2009/TLPT- LĐ ngày 01 tháng 7 năm 2009 về *"Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"*.

Do bản án lao động sơ thẩm số 01/2009/BA-LĐST ngày 26/5/2009 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum giữa:

Nguyên đơn: Ông Ngô Văn C, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ C, phường D, T, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

Bị đơn: Phòng Nội vụ huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Người đại diện theo pháp luật: Bà Y T, chức vụ: Trưởng phòng; Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện Đ. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ S, chức vụ: Phó Chủ tịch; địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Có mặt)

- Ông Nguyễn B; Địa chỉ: Thôn A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do có kháng cáo của nguyên đơn: Ông Ngô Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự thì nội dung vụ án như sau:

- Nguyên đơn ông Ngô Văn C trình bày: Đầu tháng 11 năm 2006 ông C ký Hợp đồng lao động (sau đây viết tắt là HĐLĐ) dài hạn không số với Phòng N (sau đây viết tắt là LĐTB & XH) nay là Phòng Nội vụ, huyện Đ, làm công việc của Cán bộ chính sách; thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 01/10/2006 đến ngày 31/12/2007 nhưng thực tế ông C đi làm từ ngày 01/11/2006, theo danh sách bảng lương của Phòng Nội vụ.

Ngày 26/12/2007 Phòng N1 ban hành Thông báo số 32/TB - NVLĐ về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, do chia tách Phòng nội vụ và Phòng LĐTB & XH nên Phòng nội vụ không bố trí cho ông được tiếp tục công tác là vi phạm hợp đồng và gây thiệt hại cho ông C.

Ông C Yêu cầu UBND huyện và P nhận ông trở lại làm việc theo hợp đồng; Yêu cầu huỷ Thông báo số 32/TB – NVLĐ ngày 26/12/2007 của phòng Nội vụ - LĐTB & XH huyện N1; Trả tiền lương và phụ cấp khác trong thời gian bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động; Bồi thường ít nhất là 2 tháng lương. Trường hợp không còn quỹ lương để HĐLĐ, có thể thoả thuận không trở lại làm việc nữa nhưng phải bồi thường theo quy định tại Điều 41, 42 BLLĐ; nếu chấm dứt HĐLĐ thì phải có quyết định.

Tuy nhiên, tại phiên tòa ông C yêu cầu bị đơn bồi thường đến thời điểm xét xử phúc thẩm này tổng số tiền 1.522.998.000 đồng cụ thể các khoản sau:

- Bồi thường 186 tháng tiền lương x 1.800.000 x 3,72 = 1.412.856.000 đồng

- 6 tháng tiền trợ cấp thôi việc: 45.576.000 đồng

- Phụ cấp 1 năm ½ tháng lương x 17 năm = 64.566.000 đồng

Ngoài ra, người sử dụng lao động phải đóng Đóng BHXH 15%/tháng x 186 tháng x 3,72 x 1.800.000 = 211.192.840 đồng.

- Đại diện bị đơn trình bày: Phòng N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông C. Đối với yêu cầu nhận ông trở lại làm việc, vì không có nhu cầu và đã thực hiện xong hợp đồng theo thỏa thuận nên Phòng không làm thủ tục xin UBND huyện cho ký lại HĐLĐ với ông C. HĐLĐ đã ký là Hợp đồng có thời hạn từ ngày 01/10/2006 đến ngày 31/12/2007, không phải hợp đồng không xác định thời hạn như ông C trình bày.

Ông Nguyễn Ba n Trưởng phòng NV – LĐTB & XH, khi chấm dứt HĐLĐ thỏa thuận với ông C và đã chi bồi thường số tiền 8.477.136 đồng, khi chưa có ý kiến của UBND huyện là sai. Vì vậy, đề nghị Tòa án buộc ông Ngô Văn C phải trả lại cho P số tiền 8.477.136 đồng này, sau khi trừ số tiền 1.165.606 đồng trợ cấp thôi việc bằng nửa tháng lương cộng phụ cấp và tiền thưởng như cam kết trong HĐLĐ cho ông C theo khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn B trình bày: Trước khi ký HĐLĐ với ông C tôi làm tờ trình xin ý kiến của UBND huyện, thời gian thực hiện hợp từ ngày 01/10/ 2006 đến ngày 31/12/ 2007. HĐLĐ không ghi số, ngày 01/10/2006 là do hai bên có thống nhất, thực chất ông C đi làm từ ngày 01/11/2006 và ghi là hợp đồng ngắn hạn nhưng để rút lương nên kế toán của Phòng sửa thành hợp đồng dài hạn. Hết thời hạn thực hiện hợp đồng ngày 26/12/2007, Phòng ra thông báo chấm dứt hợp đồng với ông C, ngày 31/12/2007 kế toán sửa lại thành hợp đồng ngắn hạn. Ngày 16/01/2008 ông B ra Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động lần thứ hai là đúng quy định.

Ngày 10/4/2008 ông B đại diện bị đơn thỏa thuận và ký Biên bản hòa giải thành, thanh toán cho ông C 04 tháng tiền lương, từ tháng 01/2008 đến hết tháng 4/2008, với số tiền 8.477.136 đồng, ngày 18/4/2008 Tòa án huyện ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 01/2008 QĐST- LĐ. Việc thỏa thuận này của tôi khi chưa được sự đồng ý của UBND huyện mà đã thanh toán số tiền trên là sai.

+ Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Đ:

Phòng N ký HĐLĐ và trả lương cho ông C thì ông C phải thực hiện các nhiệm vụ Phòng phân công. Tại thời điểm Phòng Nội vụ, chấm dứt HĐLĐ với C là do hết thời hạn thực hiện hợp đồng, không có nhu cầu và cũng không có quỹ lương để trả, UBND huyện cũng không có công việc phù hợp để HĐLĐ với ông C. Trường hợp có biên chế thì sẽ thông báo tuyển dụng công chức theo quy định, ông C có quyền nộp hồ sơ xin việc và thi tuyển như mọi công dân khác. Còn số tiền 8.477.136 đồng Phòng đã thanh toán cho ông C nói trên là tiền của nhà nước đã giao cho Phòng quản lý, sử dụng theo quy định. Vì vậy, trách nhiệm này thuộc Phòng Nội Vụ, UBND huyện không can thiệp.

Với nội dung trên tại Bản án Lao động sơ thẩm số 01/2009/BALĐ-ST ngày 26/5/2009 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei đã quyết định như sau:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động; căn cứ khoản 1 Điều 141, các điểm a, b khoản 1 Điều 149 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao Động, ngày 02/4/2002; căn cứ điểm a khoản 2

Điều 166 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao Động, ngày 29/11/2006.

Tuyên Xử:

- Bác bỏ các nội dung yêu cầu, trong đơn khởi kiện, đề ngày 29/12/2008 của ông Ngô Văn C gồm:

+ Yêu cầu UBND huyện và phòng N nhận ông C lại để làm việc theo HĐ đã ký.

+ Yêu cầu huỷ thông báo số 32/TB – NVLĐ ngày 26/12/2007 của phòng Nội vụ - LĐTB & XH huyện N1.

+ Trả tiền lương và phụ cấp khác cho ông C trong thời gian bị đơn phương chấm dứt HĐLĐ

+ Bồi hoàn quyền lợi vật chất và tinh thần cho ông C ít nhất là 2 tháng lương.

Buộc UBND huyện ĐăkgLei phải làm thủ tục thanh lý HĐLĐ với ông Ngô Văn C hoặc UBND huyện phải ủy quyền cho Phòng Nội Vụ huyện ĐăkGLei làm thủ tục thanh lý HĐLD với ông Ngô Văn C.

- Buộc Phòng Nội Vụ huyện N1 phải trợ cấp thôi việc cho ông Ngô Văn C 2 tháng lương cộng phụ cấp và tiền thưởng là 1.165.606 đồng, ông C đã nhận số tiền này khi phòng NV — LĐTB & XH huyện ĐăkGLei thực hiện Quyết định của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei số: 01/2008/QĐST – LĐ "Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự", ngày 18/4/2008.

- Buộc Phòng Nội Vụ huyện N1 phải nộp tiền BHXH và ký xác nhận vào sổ Bảo hiểm xã hội của ông Ngô Văn C, khi ông C có yêu cầu theo thời gian 13 tháng ông C đã làm việc theo HĐLĐ cho phòng NV – LĐTB & XH huyện ĐăkGLei.

Căn cứ khoản 1 Điều 599 của Bộ luật dân sự: Buộc ông Ngô Văn C phải trả cho phòng Nội Vụ huyện N1 số tiền 7.311.212 đồng *(Bảy triệu ba trăm mười một nghìn hai trăm mười hai đồng chẵn).*

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 26/5/2009 nguyên đơn ông Ngô Văn C kháng cáo Bản án lao động sơ thẩm số 01/2009/BALĐ-ST ngày 26/5/2009 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho kháng cáo và yêu cầu của mình. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn tự nguyện hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền 7.311.212 đồng mà Bản án sơ thẩm buộc ông C phải trả nên chấp nhận. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được lập đúng theo thủ tục và trong hạn luật định, nên được HĐXX xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn B, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Ngô Văn C thấy rằng:

[2.1] Về nội dung

Ngày 01/10/2006 ông C ký HĐLĐ với Phòng nội vụ - LĐTB & XH huyện N1; chức danh là cán bộ; công việc làm là chính sách; mức lương là 3,72; phụ cấp khu vực là 0,5. Thực tế ông C đi làm từ ngày 01/10/2006, theo danh sách bảng lương của Phòng Nội vụ. Về thời hạn của hợp đồng từ ngày 01/10/2006 đến ngày 31/12/2007 các bên có tranh chấp.

Ngày 26/12/2007 Phòng N1 ban hành Thông báo số 32/TB-NVLĐ về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông C. Lý do: Không có nhu cầu và nguồn kinh phí không đủ để cân đối chi trả cho hợp đồng.

[2.2] Xét kháng cáo.

- Xét HĐLĐ do bị đơn cung cấp: Nguyên đơn ông C cho rằng HĐLĐ ký ngày 01/10/2006 giữa ông C với Phòng N1, huyện Đ là hợp đồng dài hạn nhưng bị đơn sửa thành hợp đồng ngắn hạn. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp Bản HĐLĐ mà ông giữ theo Khoản 2 Điều 5 của HĐLĐ và cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy, lời khai của nguyên đơn không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

Còn bị đơn cho rằng đây là loại HĐLĐ ngắn hạn, việc sửa chữ "ngắn" thành "dài" để rút lương vì hợp đồng ngắn hạn Kho bạc không cho rút nhưng do có khiếu nại nên sửa lại lần nữa chữ "dài hạn" thành "ngắn hạn". Xét HĐLĐ thấy rằng: Thời hạn ghi trong hợp đồng từ ngày 01/10/2006 đến ngày 31/12/2007. Và Theo Thông báo số 32/TB-NVLĐ về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông C, ngày 26/12/2007 của Phòng Nội vụ - LĐTB & XH thể hiện nội dung: *"Năm 2006 do tính chất công việc Phòng Nội vụ - LĐTB & XH huyện đã ký HĐLĐ* ***có thời hạn*** *đối với ông Ngô Văn C từ ngày 01/10/2006"*. Căn cứ vào HĐLĐ và Thông báo này thì xác định đây là loại HĐLĐ xác định thời hạn và hợp đồng thỏa thuận thời điểm bắt đầu từ ngày 01/10/2006 và thời điểm chấm dứt ngày 31/12/2007 là trong khoảng thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 27 Bộ luật lao động sửa đổi bổ sung năm 2002, vì vậy lời khai của bị đơn có căn cứ để chấp nhận.

Mặt khác, HĐLĐ do Trưởng phòng Phòng Nội vụ - LĐTB & XH ông Nguyễn Ba k là trái với Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ; Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ vả Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT/BTC-BNV ngày 17/01/2006 của Bộ T1, quy định về chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước quy định tại mục I phần II " *Căn cứ vào yêu cầu công việc và trong phạm vi nguồn kinh phí quản lý hành chính được giao, Thủ trưởng cơ quan (các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện) được hợp đồng thuê khoán công việc hoặc hợp đồng lao động đối với các chức danh: Bảo vệ, lái xe, tạp vụ, vệ sinh"*. Như vậy, HĐLĐ ông Nguyễn Ba k với ông Ngô Văn C ngày 01/10/2006 với chức danh là cán bộ làm công việc chính sách là trái pháp luật và không đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn ông C thực tế đi làm và nhận lương 15 tháng từ ngày 01/11/2006 đến ngày 26/12/2007, nội dung này các đương sự đều thừa nhận, phù hợp với bảng lương của bị đơn đã cung cấp và phù hợp với xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện Đ, Phòng Nội vụ đã đóng bảo hiểm xã hội cho ông Ngô Văn C từ tháng 10/2006 đến tháng 12/2007 là 15 tháng. Vì vậy, xem xét giải quyết theo chế độ cho ông C khi chấm dứt HĐLĐ theo quy định của pháp luật.

[3] Tại giai đoạn phúc thẩm ông Ngô Văn C yêu cầu giám định HĐLĐ về thời hạn thực hiện hợp đồng là "Ngắn hạn" hay "Dài hạn" và giám định tuổi mực đối với thời gian kết thúc hợp đồng "ngày 31/12/2007" do ghi thêm.

HĐXX thấy rằng, giám định của Phòng Khoa học kĩ thuật hình sự Công an tỉnh K, kết luận sửa chữ "ngắn" thành "dài". Đối với việc yêu cầu giám định tuổi mực về thời gian kết thúc của HĐLĐ *"ngày 31/12/2007"*. Nội dung này HĐXX đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 21/2009/QĐ-TCGĐ ngày 15/9/2009 và

gửi tài liệu đến V Bộ C1, để yêu cầu giám định nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả. Tuy nhiên, cho dù hợp đồng này ngắn hạn hay dài hạn và kết quả của việc giám định tuổi mực như thế nào thì cũng không dùng làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án, do HĐLĐ đã ký kết giữa các bên trái pháp luật nên cần được chấm dứt.

Từ những căn cứ trên Phòng Nội vụ - LĐTB & XH ban hành Thông báo số 32/TB – NVLĐ ngày 26/12/2007 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông C khi hết hạn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 36 Bộ luật lao động năm 2002.

[4] Về trợ cấp thôi việc: Ông C làm việc liên tục 15 tháng theo HĐLĐ nên Phòng Nội vụ - LĐTB & XH vụ huyện Đ phải trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương, tiền phụ cấp khu vực và tiền thưởng theo quy định tại khoản 1 Điều 42 BLLĐ cụ thể: (Hệ số lương 3,72 + phụ cấp khu vực 0,5) x lương cơ bản 540.000 = 2.278.800 đồng x 10% tiền thưởng = 2.506.680 đồng sau khi trừ 5% BHXH, 1% BHYT, 1% phí công đoàn; 2.506.680 đồng – 175.468 đồng = 2.331.212 đồng /2 = 1.165.606 đồng.

Đối với số tiền 8.477.136 đồng ông Nguyễn B đã trả cho ông C từ nguồn kinh phí của Phòng Nội vụ - LĐTB & XH theo Quyết định Công nhận sự thỏa thuận số 01/2008/QĐST-LĐ ngày 18/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện ĐăkGlei đã bị hủy, đây là số tiền đã trả không đúng. Do đó, ông C phải trả lại số tiền 7.311.530 đồng (8.477.136 đồng -1.165.606 đồng) cho Phòng N1. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Phòng Nội vụ - LĐTB & XH và UBND huyện Đ tự nguyện hỗ trợ cho ông C nên HĐXX ghi nhận nội dung này và không buộc nguyên đơn trả lại.

Từ những phân tích trên chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Văn C, sửa bản án sơ thẩm.

[5]. Về án phí: Ông Ngô Văn C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Văn C. Sửa Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2009/BALĐ-ST ngày 26/5/2009 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 42 của Bộ Luật Lao Động; căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 141, các điểm a, b khoản 1 Điều 149 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ Luật lao động, ngày 02/4/2002; căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 166 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật

lao động, ngày 29/11/2006; Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT/BTC-BNV ngày 17/01/2006 của Bộ T1.

Tuyên Xử:

- Chấp nhận một phần đơn khởi kiện và một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Văn C.

+ Không chấp nhận yêu cầu UBND và phòng Nội vụ huyện N1 nhận ông Ngô Văn C trở lại để làm việc theo hợp đồng đã ký;

+ Không chấp nhận yêu cầu Huỷ thông báo số 32/TB – NVLĐ ngày 26/12/2007 của phòng Nội vụ - LĐTB & XH huyện N1;

+ Không chấp nhận yêu cầu trả tiền lương và phụ cấp khác cho ông C trong thời gian bị đơn phương chấm dứt HĐLĐ.

- Buộc Phòng Nội Vụ huyện N1 phải trợ cấp thôi việc cho ông Ngô Văn C 2 tháng tiền lương và cộng phụ cấp số tiền là 1.165.606 đồng (Nguyên đơn ông C đã nhận số tiền là 1.165.606 đồng theo Quyết định số: 01/2008/QĐST – LĐ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, ngày 18/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện ĐăkGlei).

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Ngô Văn C không phải chịu án phí.

Hoàn trả cho Phòng Nội vụ huyện N1 số tiền 177.000 đồng *(Một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)* theo phiếu thu tiền án phí số N 009173 ngày 20/5/2008 của chi cục thi thành án dân sự huyện Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kon Tum.
- TAND huyện Đăk Glei
-Chi cục THADS Đăk Glei.
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)
Dương Thị Vân